

TẢN MẠN ĐÔI ĐIỀU VỀ DI SẢN

nhân Ngày Di sản văn hóa Việt Nam

ĐG&TĐ. NGUYỄN KHẮC SỬ*

Di sản văn hoá là thuật ngữ sử dụng khá phổ biến trên sách báo hiện nay. Các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu, những người làm nghệ thuật và cả người dân cũng nói về di sản văn hoá. Di sản văn hoá còn được thể hiện trong văn bản Pháp luật của Nhà nước.

Lâu nay người ta vẫn hiểu, di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể, là một bộ phận quan trọng cấu thành môi trường sống của con người; một tài sản quý do các thế hệ trước để lại, không tái sinh, không thay thế và dễ bị biến dạng do tác động của các yếu tố ngoại cảnh.

Thế nhưng, việc hiểu di sản văn hoá trong một số lĩnh vực chuyên ngành thì đôi khi không giống nhau. Không sa vào lý thuyết, với nhãn quan của một người làm công tác khảo cổ, tôi xin có vài suy nghĩ tản mạn về di sản văn hoá cùng các đồng nghiệp nhân Ngày Di sản văn hoá Việt Nam.

Trước hết, xin điểm tới một vài khái niệm

1. Di sản và văn hoá

Đã có hàng trăm định nghĩa văn hoá. Thuật ngữ văn hoá bắt nguồn từ chữ Latin *cultus*, nghĩa là trồng trọt. Trong nhiều ngôn ngữ, hai từ văn hoá (*culture*) và trồng trọt (*Agriculture*) là gần nhau. Hiện nay, văn hoá không chỉ là văn hoá nông nghiệp, mà còn là văn hoá công nghiệp và thậm chí hậu công nghiệp, văn hoá

tác động sâu vào môi trường. Con người vừa là khách thể, vừa là chủ thể của sự phát triển, hay vừa là mục tiêu vừa là phương tiện, thì rõ ràng, con người và môi trường văn hoá có mối quan hệ mật thiết với nhau. Văn hoá là một khái niệm dành riêng cho con người, cộng đồng người, không có văn hoá phi con người. Do vậy, chặt chẽ mà nói, di sản văn hoá là di sản của con người, không có di sản văn hoá phi con người.

2. Di sản và văn minh

Chúng ta đang sống ở thời đại văn minh. Nền văn minh nhân loại thực sự được xác lập, khi con người bước vào thời đại đồng thau, cách đây khoảng 4 nghìn năm. Khi nói đến di sản văn hoá, tức là trong đó đã hàm chứa văn minh. Nhưng không có nghĩa hoàn toàn là di sản của nền văn minh. Bởi lẽ, văn minh thường liên quan đến kỹ thuật hay các biện pháp của con người tác động vào tự nhiên; còn văn hoá gắn với văn minh, là linh hồn của văn minh. Nếu như văn minh liên quan mật thiết tới kỹ thuật, thì văn hoá thường được biểu hiện bằng mối liên hệ giữa con người với tự nhiên, con người với con người và con người với thần linh. Như vậy, khi nói di sản văn hoá là đã bao hàm cả trình độ kỹ thuật của nền văn minh mà nhân loại đạt được.

3. Di sản văn hoá với bản sắc văn hoá

Con người là sản phẩm cao nhất của tự nhiên, văn hoá là sản phẩm đặc sắc nhất được con người tạo ra. Sản phẩm ấy, suy cho cùng, là nhằm thoả mãn cuộc sống và sự phát triển của

chính bản thân con người. Di sản văn hoá là sự kết tinh của những giá trị văn hoá. Khi một dân tộc lựa chọn những giá trị đó và được đưa vào vận hành, nhằm thoả mãn nhu cầu sống và phát triển của dân tộc mình, thì có thể xem đó là bản sắc của văn hoá. Bản sắc văn hoá dân tộc là sự tổng hoà các khuynh hướng cơ bản trong sáng tạo văn hoá của một dân tộc, có liên hệ thường xuyên giữa cái riêng với cái chung, giữa quá khứ với hiện tại.

Trong diễn trình lịch sử, bản sắc văn hoá hội nhập thêm những yếu tố mới, dần dần củng cố và trở thành truyền thống. Bản sắc văn hoá chính là tính đặc thù dân tộc của văn hoá, được thể hiện, được lưu giữ trong văn hoá và định hướng cho sự phát triển của nền văn hoá dân tộc. Với cách hiểu như vậy, di sản văn hoá và bản sắc văn hoá là gần nhau. Cho nên, khi nói bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc, cũng có nghĩa là bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

4. Di sản và dân tộc

Đương nhiên, cần hiểu rằng, Việt Nam là một quốc gia đa tộc người. Những giá trị văn hoá của cộng đồng các tộc người trên lãnh thổ Việt Nam luôn có sự giao thoa, hội nhập và kết tinh trong suốt chiều dài lịch sử (ngoài ra, còn phải kể đến sự giao thoa, tiếp biến trong bối cảnh vận động của văn hóa các nước trong và ngoài khu vực). Dưới góc độ này, văn hoá là một yếu tố cấu thành dân tộc, thể hiện trình độ, trí tuệ, đặc điểm, tâm hồn, nhân cách và lối sống... của cộng đồng các tộc người Việt Nam. Với ý nghĩa đó, văn hoá là linh hồn, là sức sống, là bản lĩnh của một dân tộc. Cho nên, văn hoá còn thì dân tộc còn, văn hoá suy thì dân tộc suy, văn hoá mất thì dân tộc diệt vong. Như vậy, nói đến di sản văn hoá, tức là nói đến di sản văn hoá dân tộc, văn hoá của cộng đồng các tộc người Việt Nam.

5. Di sản và tinh truyền thống - đổi mới

Bản sắc dân tộc là sắc thái gốc, là thể căn cước của một nền văn hoá, nghĩa là những đặc trưng riêng, không trộn lẫn với một nền văn hoá khác. Nói đến di sản văn hoá phải nói đến giá trị bền vững của văn hoá. Giá trị ấy phải được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác và trở thành truyền thống. Theo thời gian, truyền thống ấy không lặp lại nguyên gốc, mà có đổi mới, cách tân, để rồi lại gia nhập vào truyền thống. Truyền thống và cách tân là 2 chiều ngang và

đọc dẹt nên bức tranh văn hoá đa sắc, làm nên giá trị bền vững, tinh hoa của di sản văn hoá các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

6. Di sản văn hoá và di tích khảo cổ

Các nhà khảo cổ sau khai quật, nghiên cứu một số di tích, thường xác lập các văn hoá khảo cổ (Archaeological Culture), chẳng hạn như văn hoá Hoà Bình, văn hoá Đông Sơn, văn hoá Sa Huỳnh...

Các nền văn hoá khảo cổ là do các nhà khảo cổ xác lập. Nhưng sự tồn tại của nó là một thực thể khách quan, mà nguồn sử liệu vật thật là di tích và di vật. Thông thường, các văn hoá khảo cổ tồn tại khá dài, được bảo lưu dấu tích văn hoá bằng hiện vật cụ thể trên cột địa tầng. Khảo cổ học có thể chỉ ra sự biến đổi văn hoá thông qua tổng hoà các di tích và di vật trên từng lát cắt địa tầng ấy. Việc tổng hợp, phân tích, so sánh và lý giải các mức độ văn hoá khác nhau trên cột địa tầng khảo cổ trong một "văn hoá", giữa các "văn hoá" kế tiếp nhau là cơ sở để đi tới nhận xét về truyền thống hay đổi mới trong diễn trình văn hoá. Trong một ý nghĩa nào đó, các di tích, di vật khảo cổ là biểu hiện vật chất hoá của di sản văn hoá, còn văn hoá khảo cổ là tổng hoà các yếu tố cấu thành di sản văn hoá nhân loại trong quá khứ.

7. Di sản văn hoá Việt cổ

Trong các sử liệu, người ta cũng nói đến di sản văn hoá Việt cổ, văn minh Việt cổ. Thực chất, nghiên cứu văn hoá Việt cổ là tiếp cận nghiên cứu các văn hoá Tiên Đông Sơn và văn hoá Đông Sơn. Tiếp cận văn hoá Đông Sơn, văn minh Việt cổ là xem xét cả 2 quá trình của vận hóa, đó là truyền thống và cách tân. Văn hoá Việt cổ gắn với văn minh, là linh hồn của văn minh. Văn minh Việt cổ được thể hiện chủ yếu ở những thành tựu kỹ thuật mà người Việt cổ đạt được khi tác động vào tự nhiên. Còn văn hóa Việt cổ là hệ thống ứng xử của người Việt với thiên nhiên và với xã hội, trong hoạt động sinh tồn và phát triển của mình. Nói khác đi, văn hoá Việt cổ là sản phẩm vật chất và tinh thần của người Việt được tạo ra trong mối quan hệ tương tác với tự nhiên và xã hội, diễn ra trong giai đoạn hình thành quốc gia dân tộc đầu tiên ở miền Bắc Việt Nam. Việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hoá Việt cổ trước hết là bảo vệ và phát huy di sản văn hoá Đông Sơn, cơ tầng hình thành quốc gia Văn Lang - Âu Lạc ở Việt Nam.